

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2025

Số 02-QC/BCĐTW

QUY CHẾ

**quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giám sát, đánh giá
việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị**

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;

- Căn cứ Quyết định số 229-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Căn cứ Quy định số 230-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐTW, ngày 28/02/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Căn cứ Quyết định số 259-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương Đảng,

Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị như sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, cập nhật dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin đối với Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (viết tắt là Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW).

2. Quy chế này áp dụng đối với các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các cơ quan đảng ở Trung ương, các đảng uỷ trực thuộc Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương, thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương, Cơ quan Thường trực và Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo Trung ương, Hội đồng Tư vấn quốc gia và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW: Là hệ thống thông tin phục vụ việc thu thập, cập nhật, tổng hợp, hiển thị, giám sát, phân tích, đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2. Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ: Là hệ thống thông tin thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu báo cáo từ các bộ, cơ quan, địa phương và được tích hợp, đồng bộ với Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW.

3. Chỉ số kết quả (sau đây gọi tắt là KPI - Key Performance Indicators): Là các chỉ số đo lường mức độ thành công trong việc đạt được các mục tiêu triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

4. KPI chiến lược: Là các chỉ số tổng hợp, cấp chiến lược, phản ánh mục tiêu lớn của Nghị quyết số 57-NQ/TW (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quy chế này).

5. KPI tác nghiệp: Là các chỉ số chi tiết, gắn với các nhiệm vụ, chương trình cụ thể, đo lường tiến độ thực hiện các giải pháp.

6. KPI kế hoạch: Là chỉ số dùng để theo dõi, đo lường mức độ hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp được giao trong các kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, bao gồm Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 về Kế hoạch hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, do Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương ban hành và các kế hoạch hành động của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương. KPI kế hoạch được xây dựng trên cơ sở mục tiêu cụ thể, có thời hạn và trách nhiệm rõ ràng, là căn cứ đánh giá tiến độ, kết quả và hiệu quả thực hiện trong từng giai đoạn.

7. Giao diện lập trình ứng dụng (sau đây gọi tắt là API - Application Programming Interface): Là phương thức để các hệ thống phần mềm khác nhau trao đổi dữ liệu với nhau.

8. Biểu mẫu điện tử (sau đây gọi tắt là e-Form): Là biểu mẫu số dùng để nhập liệu trên Hệ thống.

9. Bảng theo dõi, điều khiển hiển thị trực quan (sau đây gọi tắt là Dashboard): Là các bảng tổng hợp, hiển thị thông tin, dữ liệu một cách trực quan (thường bằng biểu đồ, đồ thị) giúp người xem dễ dàng nắm bắt tình hình.

10. Đầu mối cung cấp thông tin: Là cán bộ, công chức, viên chức do cơ quan, đơn vị cử là đầu mối phụ trách việc cập nhật, xác minh và báo cáo dữ liệu lên hệ thống.

11. Dữ liệu hệ thống: Là hệ thống danh mục các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; hệ thống tài khoản tương ứng với các cơ quan, đơn vị để thực hiện việc cập nhật, phê duyệt dữ liệu và quản trị hệ thống; dữ liệu về các nhiệm vụ được giao và tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị kèm theo các tài liệu minh chứng (KPI tác nghiệp); các kết quả thực hiện các kế hoạch hành động, quyết định của Chính phủ, các địa phương (KPI kế hoạch) và các chỉ số kinh tế - xã hội vĩ mô mang tầm chiến lược của quốc gia, là kết quả của việc triển khai Nghị quyết (KPI chiến lược).

12. Hệ thống Chiến lược trọng yếu: Là các nhóm nhiệm vụ, lĩnh vực then chốt được xác định trong Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 02/6/2025 về Kế hoạch hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, do Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương ban hành, nhằm bảo đảm tính toàn diện, đo lường được và tạo giá trị cộng hưởng trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

13. Sáng kiến đột phá: Là các nhiệm vụ, giải pháp, dự án mũi nhọn cụ thể trong từng hệ thống chiến lược trọng yếu hoặc dự án đặc biệt quan trọng, có tính định hướng, dẫn dắt, được Ban Chỉ đạo Trung ương phê duyệt và giao các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện nhằm tạo ra sự thay đổi căn bản hoặc kết quả vượt trội.

14. Dự án đặc biệt quan trọng: Là các dự án quy mô lớn, có tính đột phá chiến lược, tác động lan toả mạnh mẽ được Ban Chỉ đạo Trung ương xác định và ưu tiên tập trung nguồn lực quốc gia, áp dụng cơ chế đặc thù để triển khai.

15. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sau đây gọi tắt là Sandbox): Là cơ chế cho phép triển khai các ý tưởng, công nghệ, chính sách mới trong một môi trường hạn chế để đánh giá trước khi áp dụng rộng rãi.

16. Đúng, đủ, sạch, sống: Là nguyên tắc bảo đảm chất lượng dữ liệu trong Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW, theo đó dữ liệu phải chính xác, đầy đủ, được xử lý loại bỏ sai sót và được cập nhật thường xuyên, liên tục. Nguyên tắc này được áp dụng thống nhất trong toàn bộ quá trình thu thập, cập nhật, chia sẻ và khai thác dữ liệu trên Hệ thống.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành

1. Xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị trong việc cập nhật, phê duyệt, tổng hợp và giám sát dữ liệu trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2. Bảo đảm hệ thống vận hành thông suốt, liên tục và đáp ứng được nhu cầu sử dụng thực tiễn.

3. Bảo đảm an ninh, an toàn và toàn vẹn dữ liệu, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định về bảo mật, an ninh, an toàn thông tin mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Có cơ chế giám sát, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các rủi ro về an toàn thông tin.

5. Phân quyền truy cập và cập nhật thông tin theo các cấp độ: Quản trị, giám sát, cập nhật, phê duyệt để bảo đảm hiệu quả trong quá trình vận hành và tránh chồng chéo.

6. Bảo đảm Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW không chỉ là công cụ kỹ thuật, mà là nền tảng cốt lõi trong công tác theo dõi, quản lý và điều hành việc thực hiện Nghị quyết, đóng vai trò đòn bẩy thúc đẩy hành động quyết liệt, đồng bộ ở tất cả các cấp. Hiệu quả vận hành Hệ thống gắn chặt với chất lượng dữ liệu, trong đó nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống" là điều kiện tiên quyết; việc tích hợp dữ liệu từ các hệ thống thông tin của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan đảng ở Trung ương, bộ, ngành và địa phương phải được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định kỹ thuật.

7. Bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tự động, an toàn, theo thời gian thực thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API) giữa Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW với các hệ thống thông tin khác trong nội bộ Đảng, Quốc hội, Chính phủ, bộ, ngành và địa phương. Việc chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng định dạng kỹ thuật, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và thực hiện theo cơ chế phối hợp do Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương hướng dẫn.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác, sai lệch, giả mạo hoặc không đầy đủ, gây ảnh hưởng đến kết quả giám sát, đánh giá và công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo Trung ương.

2. Truy cập, sử dụng trái phép, xâm nhập, can thiệp, sửa đổi, phá hoại dữ liệu hoặc cấu trúc hệ thống không đúng thẩm quyền; thực hiện các hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định nội bộ, gây mất an toàn, an ninh cho hệ thống và dữ liệu.

3. Cập nhật, đăng tải, lưu trữ, xử lý hoặc chia sẻ các thông tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW trái với quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương II

QUẢN LÝ DỮ LIỆU VÀ CẬP NHẬT HỆ THỐNG

Điều 5. Quản lý Bộ Chỉ số KPI

1. Danh mục KPI chiến lược và KPI tác nghiệp được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

2. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương chủ trì, giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW thông qua Bộ Chỉ số KPI ở các cấp độ (chiến lược, chỉ tiêu cụ thể, KPI các Hệ thống, KPI tác nghiệp); quản lý danh mục các hệ thống trọng yếu, sáng kiến đột phá, dự án đặc biệt quan trọng trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW; chủ động cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu và danh mục hệ thống trọng yếu, sáng kiến đột phá, dự án đặc biệt quan trọng theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương hoặc để đáp ứng thực tiễn triển khai; hướng dẫn việc cập nhật KPI, thông tin, số liệu; chủ trì kết nối liên thông, điều phối, tích hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu để tính toán và hiển thị các chỉ số, đặc biệt là các KPI Hệ thống trên các Dashboard.

Điều 6. Quản lý dữ liệu Hệ thống giám sát, đánh giá

1. Dữ liệu trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW là tài nguyên số do Ban Chỉ đạo Trung ương quản lý thống nhất, được tổ chức thu thập, cập nhật, kiểm soát, khai thác, phân tích và lưu trữ theo quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương là đơn vị đầu mối quản lý dữ liệu hệ thống, có trách nhiệm:

a) Thiết lập quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn nghiệp vụ về quản lý dữ liệu.

b) Kiểm soát việc truy cập, khai thác và chia sẻ dữ liệu theo phân quyền.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng dữ liệu định kỳ hoặc đột xuất.

d) Thiết lập cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin báo cáo liên quan.

3. Các cơ quan, đơn vị được phân công cung cấp dữ liệu có trách nhiệm:

a) Cung cấp, cập nhật, hiệu chỉnh thông tin theo biểu mẫu, thời hạn và định dạng được hướng dẫn.

b) Bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và hợp lệ của dữ liệu.

c) Phối hợp xác minh, làm rõ khi có yêu cầu kiểm tra, đối chiếu dữ liệu từ Cơ quan Thường trực hoặc Tổ Giúp việc.

d) Bảo đảm dữ liệu được cung cấp không thuộc phạm vi bí mật nhà nước hoặc đã được xử lý bảo mật theo đúng quy định pháp luật.

4. Việc quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu trên Hệ thống phải bảo đảm:

a) Tuân thủ đúng mục đích giám sát, đánh giá theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương.

b) Không sử dụng dữ liệu để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc ngoài phạm vi thẩm quyền.

c) Không làm sai lệch, giả mạo hoặc sử dụng dữ liệu gây hiểu nhầm, ảnh hưởng đến uy tín tổ chức, cá nhân.

5. Việc chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW và các hệ thống thông tin khác phải bảo đảm thực hiện đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng định dạng kỹ thuật và an toàn, bảo mật theo quy định. Cơ chế chia sẻ dữ liệu được thực hiện theo hướng dẫn và phối hợp của Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương trên cơ sở các nguyên tắc nêu tại Khoản 6, Điều 3 của Quy chế này.

Điều 7. Quy trình cập nhật dữ liệu và gửi báo cáo

1. Việc cập nhật dữ liệu vào Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW được ưu tiên thực hiện thông qua kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu tự động (qua API hoặc các phương thức kết nối phù hợp khác) từ Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các hệ thống báo cáo của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể Trung ương, các cơ sở dữ liệu (viết tắt là CSDL) quốc gia, CSDL chuyên ngành, CSDL dùng chung khác của các bộ, ngành, địa phương đã được kết nối. Dữ liệu được cập nhật tự động theo thời gian thực hoặc theo tần suất được quy định, bảo đảm kịp thời, chính xác.

2. Đối với các dữ liệu thuộc phạm vi báo cáo theo quy định trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các hệ thống báo cáo khác đã được tích hợp thành công với Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW, các bộ, cơ quan, địa phương chịu trách nhiệm cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời trên các Hệ thống thông tin báo cáo này để phục vụ việc đồng bộ hoặc chia sẻ dữ liệu sang Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW.

3. Trường hợp các chỉ tiêu, nhiệm vụ, thông tin dữ liệu chưa được quản lý, thu thập trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ hoặc các hệ thống có kết nối, chia sẻ dữ liệu khác theo Khoản 1, Điều 7 và trong trường hợp các hệ thống này chưa tích hợp chia sẻ thành công với Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW, các cơ quan, đơn vị liên quan (bao gồm các cơ quan đảng ở Trung ương và các đơn vị khác theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương) có trách nhiệm cập nhật trực tiếp, đầy đủ, chính xác và kịp thời vào Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW thông qua các e-Form được thiết lập.

4. Khi cập nhật dữ liệu, các cơ quan, đơn vị phải nêu rõ thông tin, số liệu, kết quả cập nhật có liên quan đến các chỉ tiêu, nhiệm vụ, hệ thống chiến lược, sáng kiến đột phá hoặc dự án đặc biệt quan trọng (nếu có), theo hướng dẫn của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác và tính pháp lý của dữ liệu do đơn vị mình cung cấp; bảo đảm mọi thông tin, số liệu là hợp lệ, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Nghiêm cấm cập nhật lên Hệ thống các thông tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước, trừ trường hợp đã được xử lý bảo mật theo đúng quy định pháp luật.

5. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính pháp lý của dữ liệu do đơn vị mình cung cấp, bảo đảm mọi thông tin và dữ liệu là hợp lệ và tuân thủ các quy định của pháp luật.

6. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương đôn đốc, tổng hợp và rà soát dữ liệu do các đơn vị cung cấp để bảo đảm dữ liệu được cập nhật kịp thời, chính xác và đầy đủ.

7. Dữ liệu, tài liệu số và báo cáo được gửi qua Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW, bao gồm cả dữ liệu tự động tổng hợp từ các hệ thống tích hợp, phải được ký số bằng chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động công vụ để bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực và chống chối bỏ thông tin.

Điều 8. Quy trình xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổ Giúp việc

1. Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo Trung ương có trách nhiệm kiểm tra, xác thực và xác nhận kết quả thực hiện các nhiệm vụ trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW như sau:

a) Tiếp nhận dữ liệu cập nhật từ các đơn vị, thông qua bảng tổng hợp báo cáo đã được phê duyệt nội bộ.

b) Đối chiếu với nhiệm vụ gốc (văn bản chỉ đạo, thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương, kế hoạch hành động...), bảo đảm dữ liệu phản ánh đúng yêu cầu và tiến độ.

c) Kiểm tra tính hợp lệ của tài liệu chứng minh kèm theo, mức độ hoàn thành công việc (theo tỉ lệ %), nguyên nhân nếu chậm tiến độ.

d) Tổ Giúp việc xác nhận kết quả, tiến hành phân tích và trao đổi làm rõ (nếu có) để đưa vào báo cáo tổng hợp trình Ban Chỉ đạo Trung ương hoặc sử dụng chức năng của Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW để đơn vị cập nhật bổ sung.

đ) Trường hợp kết quả, thực hiện nhiệm vụ hoặc nội dung các biểu mẫu báo cáo điện tử được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các hệ thống báo cáo khác đã được kết nối thành công, Tổ Giúp việc tiếp nhận, xác nhận kết quả hoặc yêu cầu bổ sung, trả lại thông qua kết nối, đồng bộ dữ liệu.

2. Quá trình kiểm tra, xác nhận kết quả thực hiện được lưu vết trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW để phục vụ đánh giá, kiểm tra và tổng kết định kỳ/đột xuất.

3. Tổ Giúp việc có thể mời chuyên gia độc lập, có chuyên môn phù hợp để tham gia hỗ trợ quy trình xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt đối với các nội dung có tính chuyên môn sâu hoặc yêu cầu đánh giá đa chiều. Việc mời chuyên gia thực hiện trên cơ sở đề xuất của Tổ Giúp việc, bảo đảm phù hợp

lĩnh vực chuyên môn. Việc đánh giá có thể thực hiện theo hình thức đánh giá kín (không tiết lộ danh tính chuyên gia) nhằm bảo đảm tính khách quan, minh bạch và tránh xung đột lợi ích.

Chương III

KHAI THÁC, SỬ DỤNG HỆ THỐNG

Điều 9. Chế độ báo cáo điện tử trên Hệ thống

1. Căn cứ các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW, các kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương, của đồng chí Thường trực Ban Bí thư, Nghị quyết của các cơ quan liên quan, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương phối hợp với Tổ Giúp việc thiết lập các nhiệm vụ, chỉ tiêu, chế độ báo cáo thường kỳ và đột xuất (bao gồm các biểu mẫu báo cáo điện tử), xác định rõ thời hạn hoàn thành, cơ quan thực hiện, liên kết với hệ thống trọng yếu, sáng kiến đột phá, dự án đặc biệt quan trọng tương ứng (nếu có) và giao các nhiệm vụ, chỉ tiêu, báo cáo này trên toàn Hệ thống.

Trường hợp phát sinh các nhiệm vụ, chỉ tiêu, chế độ báo cáo mới theo yêu cầu, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương kịp thời thiết lập, cấu hình và phân công thực hiện bổ sung cho các cơ quan, đơn vị thực hiện, đồng thời, thông báo ngay cho các cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao, Quốc hội, Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm chủ trì tổng hợp, theo dõi và xây dựng chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất (bao gồm biểu mẫu điện tử); xác định thời hạn hoàn thành, cơ quan thực hiện và phân công cụ thể trên Hệ thống giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với hệ thống nhiệm vụ, chỉ tiêu do Ban Chỉ đạo Trung ương quy định.

3. Nội dung chế độ báo cáo bao gồm:

a) Tên gọi, các chỉ tiêu báo cáo được thiết lập trên cơ sở các nhóm nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Tình hình, kết quả triển khai; các chỉ số phục vụ đánh giá hiệu quả triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương; các cơ quan đảng ở Trung ương; các đảng ủy thuộc các cơ quan Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương, Cơ quan Thường trực, Tổ Giúp việc; Hội đồng Tư vấn quốc gia; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương và Tổ Giúp việc.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW là nền tảng trung tâm để tiếp nhận và xử lý báo cáo. Việc gửi, nhận báo cáo được thực hiện theo hai phương thức:

- Đồng bộ dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các hệ thống có liên quan (sau khi đã hoàn tất kết nối kỹ thuật với Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW).

- Cập nhật trực tiếp thông qua các e-Form được thiết lập sẵn trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW đối với những nhiệm vụ, chỉ tiêu chưa có dữ liệu đồng bộ.

e) Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng tháng, hằng quý hoặc hằng năm theo quy định cụ thể cho từng chỉ số/nhiệm vụ hoặc theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương để tổng hợp, báo cáo.

g) Báo cáo quý được tổng hợp tự động từ báo cáo hằng tháng của quý đó; báo cáo năm được tổng hợp tự động từ báo cáo hằng tháng. Cơ quan báo cáo kiểm tra lại số liệu tổng hợp trước khi gửi cấp có thẩm quyền.

h) Thời hạn gửi báo cáo: Ngày 25 hằng tháng đối với các báo cáo tháng; ngày 25 của tháng cuối quý với các báo cáo quý.

4. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương căn cứ yêu cầu chỉ đạo, điều hành được quyền điều chỉnh thời hạn, tần suất thực hiện báo cáo.

Điều 10. Phân quyền truy cập và khai thác dữ liệu

1. Việc truy cập, khai thác dữ liệu và sử dụng các chức năng trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW được phân quyền chặt chẽ, phù hợp với vai trò, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi trách nhiệm được giao của từng đối tượng sử dụng, bao gồm lãnh đạo các cấp và cán bộ chuyên môn. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương sẽ quyết định việc phân quyền truy cập cho từng đối tượng cụ thể:

- a) Đối với tài khoản lãnh đạo: Được cấp tài khoản để truy cập hệ thống nhằm mục đích theo dõi, giám sát tổng thể, đánh giá tình hình, chỉ đạo điều hành và ra quyết định chiến lược. Phạm vi truy cập và chức năng sử dụng (xem Dashboard, báo cáo, phân tích, cảnh báo) tương ứng với cấp độ lãnh đạo và lĩnh vực phụ trách.

b) Đối với cán bộ chuyên môn: Được cấp tài khoản để truy cập hệ thống nhằm mục đích theo dõi chi tiết tiến độ nhiệm vụ được giao, cập nhật, báo cáo, xác minh dữ liệu (nếu được phân công), phân tích trong phạm vi chuyên môn và phục vụ công tác tham mưu. Phạm vi truy cập và chức năng sử dụng giới hạn trong các nhiệm vụ, chỉ tiêu liên quan trực tiếp.

2. Việc phân quyền khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ thực hiện theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11. Cơ chế phân quyền tài khoản và quyền sử dụng hệ thống

Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW được xây dựng theo nguyên tắc phân cấp, phân quyền rõ ràng để bảo đảm tính chủ động, minh bạch và bảo mật trong vận hành. Cụ thể:

1. Mỗi cơ quan, đơn vị liên quan được cấp 1 tài khoản quản trị cấp cơ quan, do người đứng đầu đơn vị chỉ định.

2. Tài khoản quản trị có thể phân quyền và cấp quyền truy cập cho các đầu mối hoặc cá nhân thuộc đơn vị mình.

3. Nhóm quyền chính được thiết lập theo vai trò nhiệm vụ, bao gồm:

a) Quyền quản trị hệ thống: Thiết lập cơ cấu tổ chức nội bộ trên hệ thống, tạo tài khoản người dùng, phân quyền.

b) Quyền giám sát dữ liệu (phê duyệt): Kiểm tra, xác thực và phê duyệt báo cáo hoặc kết quả cập nhật của đơn vị; xem báo cáo tổng hợp, theo dõi tình trạng cập nhật nhiệm vụ và dữ liệu từ các đơn vị cấp dưới.

c) Quyền cập nhật thông tin (nhập dữ liệu): Nhập dữ liệu nhiệm vụ, đính kèm tài liệu minh chứng, cập nhật tiến độ và kết quả.

4. Hệ thống cho phép phân công cơ quan, cá nhân phụ trách từng nhóm nhiệm vụ, bảo đảm rõ trách nhiệm, dễ theo dõi và điều phối triển khai.

Điều 12. Khai thác Dashboard

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được cấp, người dùng có thể khai thác các loại Dashboard sau:

1. Dashboard công khai: Hiển thị thông tin công khai phục vụ mọi cơ quan, đơn vị, cá nhân khai thác, sử dụng.

2. Dashboard tổng quan toàn quốc: Phục vụ các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương, Tổ Giúp việc, Hội đồng Tư vấn quốc gia và cơ quan, đơn vị có liên quan theo chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương.

3. Dashboard theo dõi chỉ tiêu, nhiệm vụ theo các hệ thống chiến lược, sáng kiến đột phá hoặc dự án đặc biệt quan trọng: Dành cho thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương được phân công phụ trách hệ thống, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương, Tổ Giúp việc, Hội đồng Tư vấn quốc gia và cơ quan, đơn vị có liên quan để theo dõi, đánh giá sâu về tiến độ, kết quả, các KPI trong toàn bộ hệ thống và các vấn đề cần chỉ đạo trong phạm vi hệ thống đó.

4. Dashboard dành cho cơ quan, đơn vị, địa phương: Dành cho lãnh đạo các cấp để theo dõi phạm vi trách nhiệm của mình.

Điều 13. Phân tích và báo cáo dữ liệu

1. Nội dung phân tích dữ liệu

a) Tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW dựa trên các KPI tác nghiệp.

b) Tác động của Nghị quyết số 57-NQ/TW tới lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội dựa trên các KPI chiến lược.

2. Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW cung cấp công cụ để lãnh đạo và cán bộ chuyên môn (trong phạm vi được phân quyền) thực hiện phân tích dữ liệu, bao gồm phân tích xu hướng, so sánh giữa các kỳ/đơn vị, phân tích chuyên sâu và hỗ trợ dự báo, nhằm phục vụ đánh giá tình hình tham mưu, đề xuất; kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

3. Trong phạm vi quyền hạn, người dùng có thể tạo và kết xuất các báo cáo theo mẫu có sẵn hoặc tùy chỉnh để phục vụ công tác chuyên môn, lưu trữ hoặc tổng hợp báo cáo cấp trên.

4. Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW hỗ trợ tạo lập các báo cáo định kỳ (hàng tháng, quý, năm) và đột xuất theo yêu cầu, phục vụ trực tiếp công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo Trung ương và lãnh đạo các cấp có thẩm quyền.

Điều 14. Thiết lập ngưỡng cảnh báo, xây dựng kịch bản cảnh báo

1. Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW cung cấp công cụ cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn (trong phạm vi được phân quyền) thiết lập ngưỡng cảnh báo và xây dựng kịch bản cảnh báo phù hợp với từng nhóm nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao, nhằm chủ động phát hiện nguy cơ chậm tiến độ hoặc không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Căn cứ vào tính chất, tiến độ và yêu cầu cụ thể của từng nhiệm vụ, chỉ tiêu, Tổ Giúp việc chủ trì thiết lập các ngưỡng cảnh báo, bao gồm:

a) Đối với nhiệm vụ, chỉ tiêu có thời hạn rõ ràng: Thiết lập cảnh báo khi sắp đến hạn, quá hạn, hoặc quá thời gian xử lý so với quy định.

b) Đối với nhiệm vụ, chỉ tiêu định tính hoặc định lượng: Thiết lập cảnh báo về nguy cơ không hoàn thành, mức độ hoàn thành thấp, hoặc không đáp ứng chất lượng yêu cầu.

3. Trên cơ sở đó, Tổ Giúp việc xây dựng kịch bản cảnh báo chi tiết đối với từng nhóm nhiệm vụ, chỉ tiêu, quy định rõ hành động cần thực hiện khi hệ thống phát sinh cảnh báo (ví dụ: Thông báo nội bộ, báo cáo lãnh đạo, chuyển cấp có thẩm quyền xử lý...), bảo đảm Hệ thống phát huy hiệu quả vai trò cảnh báo sớm, hỗ trợ giám sát, điều hành và ra quyết định.

Điều 15. Tiếp nhận cảnh báo tự động

1. Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW tự động phát hiện thông qua kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các CSDL dùng chung của cơ quan nhà nước, đồng thời gửi cảnh báo đến người dùng có liên quan và thẩm quyền xử lý khi phát sinh các tình huống như: Chỉ tiêu/KPI không đạt mục tiêu; nhiệm vụ chậm tiến độ, quá hạn/sắp đến hạn; dữ liệu có dấu hiệu sai lệch và bất thường.

2. Việc gửi cảnh báo được cá nhân hoá theo vai trò và phạm vi trách nhiệm:

a) Cảnh báo cấp chiến lược, rủi ro cao (liên quan đến KPI chiến lược quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm chậm trễ) được gửi đến lãnh đạo phụ trách.

b) Cảnh báo cấp tác nghiệp (nhiệm vụ cụ thể sắp đến hạn hoặc quá hạn, dữ liệu cần xác minh) được gửi đến cán bộ chuyên môn được giao nhiệm vụ và có thể gửi đến lãnh đạo trực tiếp quản lý để theo dõi, đôn đốc.

c) Phương thức nhận cảnh báo cấu hình linh hoạt qua các kênh như: Thư điện tử, thông báo trên giao diện Dashboard, tin nhắn..., bảo đảm truyền tải thông tin nhanh chóng và kịp thời.

Chương IV

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG DỮ LIỆU VÀ MINH BẠCH

Điều 16. Kiểm tra, đánh giá, duy trì chất lượng dữ liệu

1. Việc kiểm tra, đánh giá, duy trì chất lượng dữ liệu thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số. Tổ Giúp việc nghiên

cứu, thiết lập các tiêu chí, quy tắc kiểm tra, đối chiếu tự động và thủ công để bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, nhất quán, kịp thời của dữ liệu.

2. Hệ thống tự động cảnh báo các sai lệch dữ liệu lớn, bất thường, thiếu logic thông qua các kết nối, chia sẻ dữ liệu quy định tại Khoản 1, Điều 15 Quy chế này.

3. Tổ Giúp việc chịu trách nhiệm kiểm tra, xác minh tính hợp lý của dữ liệu trước khi tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương.

Điều 17. Phản hồi, kiến nghị từ các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan

1. Công bố công khai trên giao diện công khai của Hệ thống các dữ liệu KPI, báo cáo tổng hợp không thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quyết định của Ban Chỉ đạo Trung ương.

2. Thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý phản hồi, kiến nghị từ các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan về dữ liệu và hoạt động của Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Điều 18. Quy trình xử lý sai sót dữ liệu

1. Cơ quan phát hiện sai sót hoặc nhận được yêu cầu xác minh phải kiểm tra, cung cấp bằng chứng cụ thể cho Tổ Giúp việc.

2. Tổ Giúp việc xác minh thông tin, phối hợp với Cơ quan Thường trực Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW và cơ quan cung cấp dữ liệu để làm rõ.

3. Sau xác minh, Tổ Giúp việc báo cáo, đề xuất Ban Chỉ đạo Trung ương quyết định việc cập nhật, điều chỉnh dữ liệu chính thức trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Chương V QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KỸ THUẬT VÀ BẢO TRÌ HỆ THỐNG

Điều 19. Hạ tầng và kiến trúc kỹ thuật

1. Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW được xây dựng trên nền tảng công nghệ hiện đại, bảo đảm an ninh an toàn, hiệu năng sử dụng, khả năng mở rộng, tính linh hoạt và khả năng tích hợp, đồng bộ với các hệ thống thông tin của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan đảng ở Trung ương, bộ, ngành và địa phương.

2. Hạ tầng kỹ thuật phải bảo đảm hoạt động ổn định, hiệu năng cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng của bên liên quan ở các cấp độ khác nhau; đồng thời có phương án dự phòng, khả năng phục hồi sau sự cố và bảo đảm vận hành liên tục.

3. Bộ tiêu chuẩn tối thiểu về hạ tầng và kiến trúc kỹ thuật của Hệ thống phải tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm khả năng mở rộng, tương thích, tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu hiệu quả với các nền tảng số khác của Đảng, Nhà nước. Việc triển khai kiến trúc kỹ thuật cần phù hợp với mô hình tích hợp dữ liệu và định hướng Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

Điều 20. Quản trị vận hành hệ thống

1. Quản lý tài khoản người dùng: Việc cấp, thu hồi và phân quyền tài khoản truy cập Hệ thống được thực hiện chặt chẽ theo vai trò, trách nhiệm và tuân thủ các quy định bảo mật, bảo đảm kiểm soát đầy đủ quyền truy cập theo đúng phân cấp quy định.

2. Giám sát hoạt động: Hệ thống được giám sát liên tục 24/7 về hiệu năng, tình trạng lỗi, mức độ đáp ứng và an toàn thông tin để phát hiện sớm và xử lý kịp thời các sự cố phát sinh.

3. Sao lưu và phục hồi dữ liệu: Dữ liệu của Hệ thống phải được sao lưu định kỳ theo quy định hiện hành. Có phương án và quy trình phục hồi dữ liệu nhanh chóng khi xảy ra sự cố, bảo đảm duy trì hoạt động liên tục, ổn định.

4. Báo cáo vận hành Hệ thống: Hệ thống phải được trang bị chức năng tự động tổng hợp, phân tích và tạo báo cáo định kỳ về tình hình truy cập, sử dụng của từng nhóm người dùng (gồm: quản trị, giám sát, cập nhật, phê duyệt), phù hợp với cơ chế phân quyền quy định tại Điều 11 của Quy chế. Việc ghi nhận, lưu trữ và truy xuất dữ liệu truy cập phải được thực hiện đầy đủ, liên tục, bảo đảm tính chính xác, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 21. Bảo trì, nâng cấp hệ thống

1. Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW phải được bảo trì định kỳ để bảo đảm hoạt động ổn định và liên tục. Việc nâng cấp và cập nhật hệ thống sẽ được thực hiện khi có yêu cầu từ các cơ quan có thẩm quyền hoặc theo lộ trình phát triển đã được phê duyệt. Hệ thống có dự phòng, để bảo đảm hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố.

2. Quá trình bảo trì và nâng cấp cần được thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm không làm gián đoạn công việc giám sát, đánh giá, cũng như duy trì tính bảo mật, an toàn của hệ thống và dữ liệu.

Điều 22. Bảo đảm an toàn thông tin

1. Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW phải được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và kiểm tra an toàn thông tin trước khi được đưa vào sử dụng theo quy định; áp dụng các biện pháp bảo mật tiên tiến để bảo vệ thông tin và dữ liệu, bao gồm việc sử dụng xác thực đa yếu tố (MFA), mã hoá dữ liệu nhạy cảm (cả khi lưu trữ và truyền tải) và kiểm soát truy cập chặt chẽ để ngăn ngừa các hành vi truy cập trái phép.

2. Việc bảo vệ an toàn thông tin, an ninh mạng phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế (ISO 27001), quy chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật của Việt Nam về an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu bao gồm cả việc bảo đảm Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW không được sử dụng để lưu trữ, xử lý thông tin, tài liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

3. Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin ít nhất hai lần mỗi năm (6 tháng/lần) hoặc khi có yêu cầu đột xuất để bảo đảm hệ thống luôn được bảo vệ, đồng thời tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin định kỳ hàng năm để nâng cao khả năng phản ứng kịp thời và hiệu quả trước các tình huống tấn công mạng.

4. Hệ thống phải được triển khai đầy đủ các công cụ kỹ thuật nhằm chủ động phát hiện, phòng ngừa rủi ro an ninh mạng, bao gồm nhưng không giới hạn: Hệ thống phát hiện và ngăn chặn xâm nhập (IDS/IPS), Hệ thống giám sát an toàn thông tin (SIEM), công cụ phân tích hành vi người dùng (UEBA) và các giải pháp giám sát theo thời gian thực. Mọi hoạt động truy cập và thay đổi dữ liệu trên Hệ thống đều phải được ghi log (nhật ký hệ thống) đầy đủ, chi tiết, không thể chỉnh sửa, nhằm phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, truy vết và đánh giá bảo mật. Thời gian lưu trữ log phải tuân thủ quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan chuyên trách về an toàn thông tin. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu qua API với các hệ thống khác phải thực hiện đúng nguyên tắc tại Khoản 7, Điều 3, bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về an toàn thông tin, phân quyền truy cập, kiểm soát kỹ thuật và bảo mật hệ thống.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo Trung ương

1. Chỉ đạo tổng thể việc xây dựng, triển khai và vận hành hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trong mọi hoạt động.

2. Thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo, chỉ đạo Tổ Giúp việc trong việc theo dõi, giám sát, hỗ trợ triển khai bảo đảm đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phụ trách thực hiện đúng nhiệm vụ, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả công việc; theo dõi, kiểm tra tình hình triển khai và kịp thời điều chỉnh các phương án, giải pháp khi cần thiết để bảo đảm tính khả thi và thực tiễn.

4. Chỉ đạo thiết lập và tổ chức vận hành cơ chế xếp hạng mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trên CSDL tổng hợp từ Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW. Kết quả xếp hạng được hiển thị công khai, cập nhật thường xuyên trên Hệ thống. Căn cứ kết quả này, Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện việc đánh giá, biểu dương, khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị có kết quả triển khai tốt; đồng thời nhắc nhở, chấn chỉnh những cá nhân, tổ chức chậm tiến độ, chưa đáp ứng yêu cầu, nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ trong toàn Hệ thống.

Điều 24. Trách nhiệm của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương

1. Chủ trì quản lý, vận hành và phát triển Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW; tổ chức cập nhật, quản lý danh mục các chỉ tiêu, nhiệm vụ, hệ thống trọng yếu, sáng kiến đột phá và dự án đặc biệt quan trọng; bảo đảm Hệ thống hoạt động liên tục, ổn định, hiệu quả.

2. Chủ trì tham mưu tổng thể cho Ban Chỉ đạo Trung ương trong công tác điều hành liên quan đến Hệ thống; đề xuất định hướng phát triển, kế hoạch vận hành hằng năm, tích hợp mở rộng và nội dung các báo cáo, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất.

3. Phối hợp tiếp nhận các đề xuất sáng kiến đột phá, nhiệm vụ trọng điểm từ các cơ quan, đơn vị; tổng hợp, phân loại sơ bộ và trình Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét. Đối với các đề xuất có phạm vi ảnh hưởng lớn, liên ngành hoặc liên quan đến chính sách vĩ mô, Cơ quan Thường trực chủ trì tổ chức tham vấn ý kiến Hội đồng Tư vấn quốc gia trước khi giao Tổ Giúp việc phối hợp nghiên cứu, phân tích và cho ý kiến tham mưu.

4. Chủ trì hướng dẫn kỹ thuật và nghiệp vụ cập nhật dữ liệu, bảo đảm thống nhất phương pháp kết nối, tích hợp và đồng bộ giữa Hệ thống với các hệ thống thông tin liên quan của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, bộ, ngành và địa phương.

5. Chủ trì xây dựng và vận hành các Dashboard tổng hợp phục vụ Ban Chỉ đạo Trung ương, bao gồm:

a) Dashboard theo dõi tiến độ triển khai các hệ thống trọng yếu, nhiệm vụ trọng điểm, sáng kiến đột phá.

b) Dashboard theo lĩnh vực, nhóm cơ quan, địa phương.

c) Dashboard phân tích chuyên sâu phục vụ đánh giá hiệu quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ.

6. Chủ trì tổ chức, điều phối và phân bổ nguồn lực triển khai Hệ thống; bảo đảm bố trí đầy đủ cán bộ chuyên trách có năng lực phù hợp; phối hợp với các cơ quan liên quan cử đầu mối thực hiện nhiệm vụ cập nhật, khai thác Hệ thống theo quy định.

7. Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trong các cơ quan đảng về kỹ năng sử dụng, cập nhật và khai thác Hệ thống; phối hợp phát triển các chương trình đào tạo trực tuyến, tài liệu hướng dẫn.

8. Phối hợp đề xuất khen thưởng, xử lý vi phạm; tổng hợp ý kiến từ Tổ Giúp việc và các thành viên Ban Chỉ đạo để báo cáo, kiến nghị.

Điều 25. Trách nhiệm của Tổ Giúp việc

1. Tham mưu, hỗ trợ Cơ quan Thường trực và Ban Chỉ đạo Trung ương trong việc theo dõi, giám sát tổng thể quá trình triển khai Hệ thống; tổng hợp tình hình thực hiện, đề xuất nội dung điều hành, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

2. Phối hợp với Cơ quan Thường trực trong việc nghiên cứu, phân tích nội dung, mức độ tác động và khả năng triển khai của các sáng kiến đột phá, nhiệm vụ trọng điểm; tổng hợp ý kiến chuyên môn, đề xuất và tham mưu cho Ban Chỉ đạo Trung ương thông qua Cơ quan Thường trực.

3. Tham mưu xây dựng các văn bản hướng dẫn triển khai, chương trình công tác, kế hoạch giám sát; phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương hoặc Cơ quan Thường trực.

4. Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp kỹ thuật và nghiệp vụ nhằm hoàn thiện quy trình vận hành, tích hợp và khai thác Hệ thống; bảo đảm đồng bộ với các hệ thống thông tin có liên quan.

5. Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cập nhật, báo cáo; xác minh tính chính xác, đầy đủ và thống nhất của dữ liệu trước khi tổng hợp trình Ban Chỉ đạo Trung ương.

6. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh từ quá trình triển khai Hệ thống; đề xuất giải pháp xử lý kịp thời, phối hợp với Cơ quan Thường trực hoặc đơn vị kỹ thuật chuyên trách để bảo đảm Hệ thống vận hành đúng tiến độ, chất lượng và mục tiêu đề ra.

Điều 26. Trách nhiệm của Đảng uỷ Quốc hội

1. Lãnh đạo, chỉ đạo các Đảng uỷ trực thuộc lãnh đạo triển khai việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong chương trình, kế hoạch của Quốc hội, bảo đảm phù hợp với yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW.

2. Chỉ đạo các Đảng uỷ trực thuộc lãnh đạo các cơ quan của Quốc hội, thực hiện nhiệm vụ của Quy chế, bảo đảm sự đồng bộ và thống nhất với các mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Phối hợp với Cơ quan Thường trực và Tổ Giúp việc trong việc cập nhật, theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ trên Hệ thống; thực hiện báo cáo định kỳ và đề xuất các giải pháp xử lý vấn đề phát sinh.

Điều 27. Trách nhiệm của Đảng uỷ Chính phủ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo các Đảng uỷ trực thuộc lãnh đạo các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quy chế này; chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng (API) hoặc các phương thức phù hợp khác từ Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Cổng Dịch vụ công quốc gia và các CSDL quốc gia, chuyên ngành do Chính phủ, các bộ, ngành quản lý với Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm việc cung cấp dữ liệu là phương thức chủ yếu, thường xuyên, liên tục, đầy đủ, chính xác, hạn chế tối đa yêu cầu nhập liệu thủ công trùng lặp trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW đối với các dữ liệu đã có.

2. Chỉ đạo Đảng uỷ trực thuộc thực hiện liên thông, chia sẻ dữ liệu từ hệ thống CSDL quốc gia, chuyên ngành với Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW bảo đảm đồng bộ, khai thác hiệu quả các thông tin, dữ liệu trong quá trình triển khai.

3. Chỉ đạo các Đảng uỷ trực thuộc cung cấp đầy đủ dữ liệu KPI chiến lược và KPI tác nghiệp Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm dữ liệu mô tả đầy đủ và rõ ràng (bao gồm tên chỉ số, công thức tính, phương pháp luận, đơn vị tính, tần suất cập nhật hàng tháng, quý, năm và dữ liệu theo thời gian thực do cơ quan phụ trách chỉ số, nguồn số liệu).

4. Chỉ đạo các Đảng uỷ trực thuộc báo cáo định kỳ (theo tháng/quý/năm) hoặc đột xuất trên Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương. Phối hợp với Tổ Giúp việc và Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo trong việc tổng hợp và đánh giá kết quả triển khai.

Điều 28. Trách nhiệm của Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, Đảng uỷ Bộ Khoa học và Công nghệ, Đảng uỷ Bộ Tài chính, Đảng uỷ Bộ Y tế, Đảng uỷ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng uỷ Bộ Nội vụ, Đảng uỷ Ngân hàng Nhà nước, Đảng uỷ Văn phòng Chính phủ

1. Triển khai, theo dõi, đánh giá, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao tại Quy chế và Phụ lục kèm theo.

2. Bảo đảm các nguồn lực cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quy chế này.

3. Đảng uỷ Công an Trung ương chỉ đạo các đơn vị chức năng thuộc Bộ Công an hướng dẫn việc triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Điều 29. Trách nhiệm của Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương

1. Tham gia giám sát và đánh giá việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW, bao gồm việc sử dụng Bộ Chỉ số để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu của các văn bản này tại các cấp, các ngành.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Bộ Chỉ số và các chỉ tiêu đánh giá liên quan đến việc triển khai Nghị quyết và Quyết định để các tầng lớp nhân dân hiểu rõ và tham gia tích cực vào quá trình giám sát, phản biện.

3. Đưa ra ý kiến phản biện và kiến nghị điều chỉnh, cải thiện các chính sách và biện pháp thực hiện để bảo đảm tính hiệu quả và mục tiêu của Nghị quyết.

4. Hợp tác chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị trong việc thu thập, cập nhật thông tin, và triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu trong Bộ Chỉ số.

Điều 30. Trách nhiệm của Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương

1. Giám sát và theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu KPI trong toàn bộ Hệ thống để bảo đảm các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng tiến độ và đạt các chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW.

2. Kiến nghị với Ban Chỉ đạo Trung ương về những điểm nghẽn, vấn đề cần cải thiện trong triển khai.

3. Phối hợp tham mưu và đóng góp ý kiến về việc bổ sung hoặc điều chỉnh các chỉ tiêu KPI bảo đảm phản ánh chính xác hơn kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW. Việc này sẽ giúp đảm bảo hệ thống chỉ tiêu đánh giá được cập nhật kịp thời, phù hợp với yêu cầu thực tế và giúp thúc đẩy quá trình thực hiện các mục tiêu đề ra.

Điều 31. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Trung ương

1. Theo dõi việc bố trí, cơ cấu cán bộ có trình độ về khoa học, công nghệ tham gia cấp uỷ các cấp, bảo đảm phù hợp với yêu cầu, định hướng của Trung ương.

2. Sử dụng các chỉ số KPI để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, phát hiện những điểm nghẽn hoặc vấn đề cần cải thiện trong quá trình triển khai.

Điều 32. Trách nhiệm của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương

1. Chủ trì, phối hợp Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương chỉ đạo truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền hình tuyên truyền tình hình kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên cơ sở các thông tin, dữ liệu được khai thác trên Hệ thống; biểu dương cá nhân, tổ chức có nhiều đóng góp thiết thực, cụ thể cho việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh những cá nhân, tổ chức chưa hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao.

Điều 33. Trách nhiệm của Ban Chính sách, chiến lược Trung ương

Chủ trì, phối hợp với Tổ Giúp việc, Hội đồng Tư vấn quốc gia nghiên cứu, kiến nghị Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét điều chỉnh những chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW không còn phù hợp với yêu cầu và thực tiễn triển khai, bảo đảm tính bền vững.

Điều 34. Trách nhiệm tỉnh uỷ, thành uỷ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW tại địa phương, bảo đảm các nhiệm vụ được giao thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả. Các cấp uỷ cần tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai các hoạt động liên quan đến Nghị quyết đến toàn bộ cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. Tổ chức, phân bổ nhân lực triển khai các nhiệm vụ trong khuôn khổ Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm đủ đội ngũ cán bộ chuyên trách, có năng lực, chuyên môn phù hợp với yêu cầu của công tác triển khai. Việc phân công phải bảo đảm hiệu quả và đúng năng lực, phẩm chất của từng cá nhân.

3. Giám sát, theo dõi tiến độ và kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW tại các đơn vị trực thuộc. Cần định kỳ đánh giá hiệu quả triển khai, phát hiện kịp thời các khó khăn, vướng mắc, đồng thời đề xuất các giải pháp khắc phục để bảo đảm thực hiện Nghị quyết một cách hiệu quả.

4. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, tổ chức chính trị - xã hội, cũng như các đơn vị khác để triển khai đồng bộ các hoạt động liên quan đến Nghị quyết số 57-NQ/TW. Việc phối hợp phải bảo đảm sự thống nhất, đồng lòng và nâng cao hiệu quả công tác triển khai.

5. Bố trí cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương bảo đảm đủ năng lực chuyên môn và phẩm chất chính trị và đạo đức công vụ để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, nhất là việc bố trí cán bộ có trình độ về khoa học, công nghệ tham gia cấp uỷ các cấp theo hướng dẫn của Trung ương.

6. Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW lên Ban Chỉ đạo Trung ương, các cơ quan chức năng và các cấp có thẩm quyền. Đồng thời, phản ánh các khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình triển khai để có biện pháp hỗ trợ, điều chỉnh phù hợp.

Điều 35. Tổ chức triển khai xây dựng và phát triển Hệ thống

1. Việc xây dựng, đưa vào vận hành, hoàn thiện và nâng cấp Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW được thực hiện theo các giai đoạn, lộ trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Quyết định số 204-QĐ/TW đã được Ban Chỉ đạo Trung ương phê duyệt.

2. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo chủ trì, phối hợp với Tổ Giúp việc và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động xây dựng, thử nghiệm, đào tạo, triển khai, nâng cấp Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW theo đúng lộ trình, bảo đảm chất lượng và tiến độ.

3. Các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1 Quy chế này có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai xây dựng và phát triển Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW theo chức năng, nhiệm vụ và chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương.

4. Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW được định hướng phát triển trở thành nền tảng điều hành dựa trên dữ liệu, có khả năng tích hợp, mở rộng để theo dõi việc thực hiện các nghị quyết, chương trình trọng

điểm khác của Đảng và Nhà nước theo chỉ đạo của Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo. Trong các giai đoạn tiếp theo, việc mở rộng phạm vi theo dõi và tích hợp dữ liệu sẽ được thực hiện theo chỉ đạo, phân công cụ thể của Ban Chỉ đạo, bảo đảm nguyên tắc thống nhất, liên thông dữ liệu, đồng bộ quy trình và vận hành xuyên suốt. Qua đó, từng bước hình thành nền tảng giám sát, điều hành chiến lược dựa trên dữ liệu ở tầm quốc gia, phục vụ kịp thời công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tham mưu của các cấp uỷ, cơ quan chức năng.

Điều 36. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí xây dựng, duy trì, vận hành, nâng cấp Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 37. Đánh giá và điều chỉnh Hệ thống, Quy chế

1. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi cần thiết, Tổ Giúp việc chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của Hệ thống và tình hình thực hiện Quy chế giám sát, đánh giá việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2. Trên cơ sở tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, Tổ Giúp việc đề xuất điều chỉnh, bổ sung đối với Quy chế, Hệ thống, Bộ Chỉ số KPI (bao gồm cả Chỉ số hệ thống), danh mục hoặc nội dung các hệ thống chiến lược, sáng kiến đột phá, dự án đặc biệt quan trọng, hoặc tính năng hệ thống, cũng như việc phân công nhiệm vụ theo dõi của thành viên Ban Chỉ đạo, trình Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, quyết định.

Điều 38. Xử lý vi phạm

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Các trường hợp báo cáo chậm trễ, không chính xác, cố tình sai lệch dữ liệu, chậm trễ trong báo cáo, không thực hiện đúng trách nhiệm cập nhật hoặc xác nhận dữ liệu sẽ bị xử lý nghiêm.

3. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương chủ trì, phối hợp với Tổ Giúp việc thiết lập và tổ chức thực hiện quy trình xử lý vi phạm, bao gồm các bước:

a) Phát hiện vi phạm: Xác minh, phân loại mức độ; xác định trách nhiệm; áp dụng biện pháp xử lý phù hợp; theo dõi việc khắc phục.

b) Các biện pháp xử lý có thể bao gồm: Cảnh báo, yêu cầu giải trình, tạm đình chỉ quyền truy cập Hệ thống hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

4. Tổ Giúp việc có trách nhiệm tổ chức giám sát việc tuân thủ Quy chế của các cơ quan, đơn vị, cá nhân tham gia Hệ thống. Việc giám sát được thực hiện định kỳ tối thiểu hằng quý và đột xuất khi cần thiết. Kết quả giám sát được tổng hợp, báo cáo Cơ quan Thường trực để xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm và đề xuất biện pháp chấn chỉnh phù hợp.

Điều 39. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương chủ trì, phối hợp với Tổ Giúp việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương và Tổ Giúp việc để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo (để báo cáo),
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo (để thực hiện),
- Các đồng chí thành viên Tổ Giúp việc,
- Các đảng ủy trực thuộc Trung ương (để thực hiện),
- Các cơ quan đảng ở Trung ương (để thực hiện),
- Các tỉnh ủy, thành ủy (để thực hiện),
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu,
- Lưu Ban Chỉ đạo Trung ương.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



Lê Hoài Trung

PHỤ LỤC
Bộ Chỉ số KPI chiến lược và tác nghiệp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW
(Kèm theo Quy chế số 02-QC/BCĐTW, ngày 10/6/2025
của Ban Chỉ đạo Trung ương)

1. Xây dựng Bộ Chỉ số KPI cấp chiến lược

Bộ Chỉ số KPI cấp chiến lược được xây dựng nhằm theo dõi, đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu đặt ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, với định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Một số chỉ số dự kiến bao gồm:

1.1. Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP).

1.2. Tỷ trọng kinh tế số trong GDP.

1.3. Tỷ lệ phủ sóng mạng 5G.

1.4. Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu.

1.5. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo/tổng số doanh nghiệp.

1.6. Chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia (GII).

1.7. Nhân lực nghiên cứu và phát triển (R&D).

1.8. Mức độ phát triển Chính phủ điện tử (E-Government Development Index - EGDI).

2. KPI cấp tác nghiệp - đo chỉ số

Các chỉ số KPI cấp tác nghiệp được thiết kế gắn với chương trình nhiệm vụ cụ thể theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, đồng thời có sự liên kết chặt chẽ với các KPI cấp chiến lược. Đây là cơ sở để theo dõi tiến độ, đo lường hiệu quả thực hiện các giải pháp, hoạt động triển khai trên thực tế.

a) Hoàn thiện thể chế

- Nhóm chỉ số cải cách quy định, thủ tục hành chính (viết tắt là TTHC) liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện theo quy định, đánh giá của Chính phủ bao gồm: (i) Rà soát cắt giảm, đơn giản hoá TTHC; (ii) Thực thi cắt giảm, đơn giản hoá TTHC; (iii) Cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện đầu tư kinh doanh; (iv) Cắt giảm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC; (v) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho doanh nghiệp; (vi) Tỷ lệ TTHC thực hiện phi địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

- Công Dịch vụ công quốc gia thực hiện đánh giá theo quy định của Chính phủ và tích hợp, đồng bộ kết quả đánh giá cho Hệ thống giám sát, đánh giá Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Chỉ số Chất lượng quy định kinh doanh của Ngân hàng Thế giới.

b) Doanh nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup) có mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ mới và thành công gọi vốn đến giai đoạn gọi vốn mở rộng quy mô (Series C).

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong năm gần nhất trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động.

- Tỷ lệ doanh nghiệp được chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao.

- Số tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.

c) Hạ tầng viễn thông 5G, Trung tâm dữ liệu, IoT, dữ liệu

- Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động 5G theo địa bàn tỉnh, thành phố.

- Tốc độ truy nhập Internet băng rộng cố định (cáp quang) và tốc độ truy nhập Internet băng rộng 5G trên địa bàn tỉnh.

- Số trung tâm dữ liệu đã xây dựng, cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu.

- Công suất thiết kế của các trung tâm dữ liệu đã hoàn thành.

- Chỉ số GDP/đơn vị năng lượng cung ứng.

- Tổng công suất điện cung ứng.

- Tỷ lệ nguồn điện tái tạo trong tổng nguồn điện cung ứng.

d) Nền tảng Chính phủ số, CSDL dùng chung

- Chỉ số chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh và của quốc gia.

- Tỷ lệ dịch vụ công toàn trình triển khai trên tổng số dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện đã công bố.

- Tỷ lệ hồ sơ thực hiện trực tuyến so với tổng hồ sơ: Đo lường mức độ thực tế sử dụng dịch vụ số.

- Tỷ lệ hồ sơ được thanh toán trực tuyến so với tổng số hồ sơ.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có sử dụng các thông tin, dữ liệu người dân, doanh nghiệp đã cung cấp cho cơ quan nhà nước.

- Số lượng dịch vụ, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Số lượng dịch vụ cho phép người dân sử dụng tài khoản định danh VNeID để sử dụng.

- Số CSDL chuyên ngành được kết nối, chia sẻ với các cơ quan khác.
 - Số CSDL được mở cho mục đích thương mại.
 - Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ công trực tuyến.
 - Chất lượng CSDL theo các tiêu chí: "đúng, đủ, sạch, sống", bao gồm:
 - + Danh mục cơ sở pháp lý xây dựng CSDL; chi tiết đến từng trường thông tin CSDL phải đáp ứng theo quy định; quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu
 - + Mật độ dữ liệu trung bình của CSDL (Tổng số ô dữ liệu có giá trị (không rỗng) trong các bảng thuộc CSDL) / (Tổng số ô dữ liệu có thể có trong các bảng đó (tổng số bản ghi * tổng số cột)): Đánh giá mức độ đầy đủ tổng thể của dữ liệu trong các CSDL quốc gia và CSDL dùng chung.
 - + Tỷ lệ hoạt động dữ liệu (cập nhật/thêm mới) ((Số lượng bản ghi được cập nhật trong kỳ) + (Số lượng bản ghi mới được tạo trong kỳ)) / (Tổng số bản ghi cuối kỳ trước): Đo lường mức độ "sống" (tươi mới) và phát triển (đầy đủ) của các CSDL.
 - + Số lượng người dùng tích cực tương tác với CSDL Số lượng tài khoản người dùng duy nhất đăng nhập và thực hiện ít nhất một thao tác nghiệp vụ, (ví dụ: Truy vấn, cập nhật, tạo báo cáo) trên CSDL trong kỳ: Phản ánh khả năng khai thác và mức độ sử dụng thực tế của các CSDL qua đó xác định tiêu chí đúng, sạch.
 - Số lượng CSDL liên quan được kết nối với CSDL; tính đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, cập nhật thông tin giữa các CSDL (xác định thông qua việc cập nhật, đồng bộ, tham chiếu dữ liệu chủ từ các CSDL quốc gia, CSDL bộ, ngành, địa phương).
 - Tổng số lượt truy cập/truy vấn đến CSDL và lượt truy cập/truy vấn theo từng tháng: Nếu dữ liệu hiệu quả thì sẽ có nhiều đơn vị/cá nhân truy cập.
 - Số lượng các giải pháp/phần mềm/dịch vụ được hình thành từ việc khai thác các CSDL dùng chung phục vụ: (i) Quản lý nhà nước. (ii) Phát triển kinh tế xã hội (người dân và doanh nghiệp).
- đ) Nhân lực chất lượng cao**
- Tỷ lệ người tốt nghiệp đại học và sau đại học các chuyên ngành STEM trong tổng số người tốt nghiệp đại học và sau đại học.
 - Tỷ lệ sinh viên theo học các ngành STEM/tổng số sinh viên toàn quốc.
 - Số người tốt nghiệp đại học và sau đại học các ngành bán dẫn, ngành AI và các ngành gần với hai chuyên ngành này.
 - Tổng số lượng nhà nghiên cứu trong nước có công bố quốc tế trên các tạp chí, hội thảo quốc tế chuyên ngành đánh chỉ mục WoS ISI (WoS còn được

gọi là ISI, được rộng rãi thừa nhận và sử dụng để đánh giá chất lượng của các tạp chí khoa học).

- Tổng số nhà nghiên cứu trong nước có sáng chế, giải pháp hữu ích đăng ký: Bằng sáng chế và giải pháp hữu ích là đầu vào của quá trình chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tổng số công bố quốc tế trên các tạp chí, hội thảo quốc tế chuyên ngành đánh chỉ mục WoS ISI.

- Tổng số sáng chế, giải pháp hữu ích đăng ký (trong nước/nước ngoài).

- Tổng số nhà khoa học quốc tế, nhà khoa học người Việt ở nước ngoài làm việc tại các cơ sở đào tạo/nghiên cứu: Thu hút nhà khoa học trình độ quốc tế đến/trở về Việt Nam làm việc vì một nhiệm vụ rất quan trọng để bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao ở các lĩnh vực chiến lược và mũi nhọn.

- Tổng số dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu, và đào tạo: Thể hiện năng lực triển khai nghiên cứu và đào tạo chất lượng cao của các đơn vị trong nước.

e) Nâng cao năng lực bộ máy công vụ

- Số cán bộ công chức được đào tạo kỹ năng chuyển đổi số, nhất là đào tạo kỹ năng làm việc với số liệu tổng hợp và AI (thực hiện trên nền tảng đào tạo đại chúng mở - MOOC).

- Số khoá học triển khai trên nền tảng số MOOC để đào tạo, tập huấn cán bộ, kèm kinh phí cắt giảm được so với loại hình đào tạo truyền thống.

- Tỷ lệ cơ quan cấp bộ, tỉnh sử dụng hệ thống văn phòng số đầy đủ.

g) Hỗ trợ doanh nghiệp thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup), doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off)

- Số hoạt động kinh doanh được cho phép triển khai theo các quy chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox).

- Số doanh nghiệp đăng ký sandbox (công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo...).

- Số startup thành lập mới (ngành công nghệ).

h) Khuyến khích đầu tư R&D, mua sắm công "Make in Vietnam"

- Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho hoạt động R&D trên tổng chi ngân sách nhà nước.

- Tỷ lệ mua sắm công nghệ Make in Vietnam/tổng mua sắm công về công nghệ (không giới hạn ở công nghệ thông tin) bằng vốn ngân sách.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có chi cho hoạt động R&D tự làm hoặc thuê ngoài.

- Tỷ lệ chi R&D của khu vực doanh nghiệp trên tổng chi R&D quốc gia.

- Các dự án/đề tài khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo kèm kinh phí cam kết theo mô hình hợp tác ba nhà, công - tư.

- Số dự án chuyển giao công nghệ thành công, kèm doanh số của từng đơn vị: Trường/viện/doanh nghiệp.

- Tỷ lệ phân bổ đầu tư cho khoa học và công nghệ đến từ nguồn doanh nghiệp/tổng số đầu tư của cả nước cho khoa học công nghệ.

- Tỷ lệ% thực thi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong tổng chi ngân sách và GDP.

i) Hoàn thiện thể chế an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu

- Mức độ tuân thủ quy định an ninh mạng.

- Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI - Global Cybersecurity Index).

- Số chuyên gia an ninh mạng được cấp chứng nhận chuyên môn quốc tế.

- Tỷ lệ cơ quan cấp bộ, cấp tỉnh có nhân lực chuyên trách hoặc nhà cung cấp dịch vụ về bảo đảm an ninh mạng và an toàn dữ liệu.

- Số cuộc tấn công mạng được phát hiện, ngăn chặn và xử lý trước khi gây ra hậu quả đáng kể.

j) Xây dựng năng lực phòng thủ, chuyên gia an toàn, an ninh mạng

- Số chuyên gia an toàn, an ninh mạng được chứng nhận: Bảo đảm bền vững cho hạ tầng số, hỗ trợ thước đo mức độ phát triển về Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Development Index).

- Số cuộc diễn tập an toàn, an ninh mạng: Nâng cao năng lực phản ứng, gián tiếp bảo đảm niềm tin người dân, doanh nghiệp vào chuyển đổi số.

k) Nhân lực số, công dân số

- Tỷ lệ nhân lực thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trên 1 vạn dân.

- Tỷ lệ nhân lực công nghệ số trong lực lượng lao động.

- Tỷ lệ doanh nghiệp trên 1 vạn dân.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số.
